

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2022/HNGĐ – ST
Ngày 21-4-2022.
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh, bà Đoàn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 22-02-2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-4-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tòng Thị N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ x, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-02-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai vào ngày 16-9-2010 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2011 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Xuân T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23-3-2022, bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm ly thân như chị Tòng Thị N đã trình bày là đúng. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm không còn.

Về nuôi con: Anh và chị Tòng Thị N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tòng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Xuân T. Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Anh T có nơi cư trú tại thôn N, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Chị Tòng Thị N và anh Nguyễn Xuân T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị N và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2011 không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Tòng Thị N và anh Nguyễn Xuân T không có con chung.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Tòng Thị N và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Tòng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về án phí: Chị Tòng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0000165 ngày 22-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị N, anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp. Yên Bái;
- Chi cục THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Kim Tân, TP Lào Cai;
- (Giấy CNKH số 108, quyền số 01, ngày 16-9-2010)
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thế Hòa

